

Số: 337/QĐ-MNBC

Tân Bình, ngày 23 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công bố công khai phân bổ ngân sách năm 2021
của trường Mầm non Bầu Cát

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON BÀU CÁT

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ủy Ban Nhân Dân Quận Tân Bình về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2021 (giai đoạn tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính 2019-2021) cho đơn vị đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên Sự nghiệp Giáo dục- Đào tạo quận Tân Bình.

Xét đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay Công bố Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của Trường Mầm non Bầu Cát (đính kèm biểu mẫu)

Điều 2. Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan Trường Mầm non Bầu Cát có trách thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT.



Huỳnh Thị Phương Thảo

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BÀU CÁT

Chương: 622

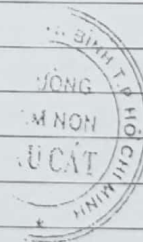
DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND Quận Tân Bình)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Học phí	
1.2	Thu Sự nghiệp	0
	Thu Vệ Sinh bán trú	
	Thu tổ chức phục vụ bán trú	
	Thu Trang thiết bị phục vụ bán trú	
	Năng khiếu	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	0
	Chi Vệ Sinh bán trú	
	Chi tổ chức phục vụ bán trú	
	Chi Trang thiết bị phục vụ bán trú	
	Năng khiếu	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.548.081.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.205.989.000
	Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 13)	2.836.407.000
	Kinh phí 10% tiết kiệm chi thường xuyên	46.736.000
	Kinh phí thực hiện tăng lương từ 1,21 triệu lên 1,49 triệu (nguồn 14)	574.700.000



	Trong đó: kinh phí thực hiện Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	748.146.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.342.092.000
	Kinh phí phụ cấp thâm niên nhà giáo	208.578.000
	Kinh phí hỗ trợ mầm non theo NQ 01	515.814.000
	Kinh phí thu hút Mầm non theo NQ 04	388.650.000
	Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập NH 2019-2020	
	Kinh phí đào tạo trung cấp chính trị 2019	153.450.000
	Kinh phí trợ cấp tết	75.600.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	



Huỳnh Thị Phương Thảo